

Số: /KH-UBND

An Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
Điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026
xã An Biên, tỉnh An Giang

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 30/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026 tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05/01/2026 của Hội đồng nhân dân xã An Biên về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã An Biên năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 28/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã An Biên về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 28/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã An Biên về kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 xã An Biên,

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 30/7/2026 về điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026, qua rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026, nhiều chỉ tiêu chủ yếu mới đạt trên 50% kế hoạch năm, dư địa tăng trưởng dồn vào 6 tháng cuối năm; bối cảnh sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tiếp tục có sự thay đổi. Do đó, cần thiết rà soát, cập nhật lại kịch bản tăng trưởng, điều chỉnh lộ trình thực hiện và phân kỳ theo từng quý, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho từng lĩnh vực, từng đơn vị nhằm tập trung nguồn lực, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã An Biên ban hành Kế hoạch điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo Kế hoạch số 26/KH-UBND; giữ vững tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân năm 2026 đạt 10,9%¹; bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, nâng cao hiệu quả đầu

¹Tốc độ tăng trưởng 10,9% được xác định theo giá so sánh, theo Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 28/01/2026; các số liệu giá trị tuyệt đối tại Phụ lục được tính theo giá hiện hành nên không so sánh trực tiếp với chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng.

tư, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng thu ngân sách và nâng cao đời sống Nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của xã và của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát kịch bản tăng trưởng của tỉnh tại Kế hoạch số 419/KH-UBND và các chỉ tiêu được giao; cụ thể hóa thành nhiệm vụ, giải pháp của từng đơn vị, phân kỳ theo từng quý, xác định rõ sản phẩm đầu ra, tiến độ và trách nhiệm của người đứng đầu.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện theo từng tháng, từng quý; chủ động điều chỉnh các giải pháp điều hành phù hợp với tình hình thực tiễn, khai thác tối đa các động lực tăng trưởng để hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu năm 2026.

- Việc tổ chức thực hiện bảo đảm phương châm “*Kỷ cương trách nhiệm - Chủ động kịp thời - Đổi mới sáng tạo - Tăng tốc bứt phá*” và tinh thần “*06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*”.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Đánh giá khái quát kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026

Trong 6 tháng đầu năm 2026, kinh tế trên địa bàn xã tiếp tục duy trì ổn định. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu (theo giá hiện hành) như sau: Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 1.197,35 tỷ đồng, bằng 53,09% kế hoạch năm (trong đó nông nghiệp - thủy sản 720,6 tỷ đồng; công nghiệp 118,23 tỷ đồng; xây dựng 358,52 tỷ đồng); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 1.532,66 tỷ đồng, bằng 53,76% kế hoạch; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 712 tỷ đồng, bằng 50,32% kế hoạch; tổng thu ngân sách trên địa bàn 21,633 tỷ đồng, bằng 52,19% dự toán; tổng sản lượng lương thực 55.195 tấn; tổng sản lượng thủy sản 3.531 tấn, bằng 65,18% kế hoạch.

Nhìn chung, phần lớn các chỉ tiêu mới đạt trên 50% kế hoạch năm; khối lượng nhiệm vụ và dư địa tăng trưởng tập trung vào 6 tháng cuối năm, đòi hỏi tăng tốc, bứt phá trong quý III và quý IV để hoàn thành mục tiêu cả năm.

2. Kịch bản điều chỉnh và phân kỳ theo quý

Trên cơ sở kết quả 6 tháng đầu năm và mục tiêu cả năm, Ủy ban nhân dân xã điều chỉnh kịch bản tăng trưởng, phân kỳ các chỉ tiêu chủ yếu cho quý III và quý IV như sau:

a) Mục tiêu quý III/2026

Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng thêm 547,79 tỷ đồng (nông nghiệp - thủy sản 349,1 tỷ đồng; công nghiệp 35 tỷ đồng; xây dựng 163,69 tỷ đồng); tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 527,29 tỷ đồng; vốn đầu tư toàn xã hội 566 tỷ đồng; thu ngân sách 9,511 tỷ đồng; sản lượng thủy sản 981 tấn; nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới giao thông nông thôn 3,6 km. Lũy kế 9 tháng: tổng giá trị sản phẩm đạt 1.745,14 tỷ đồng, bằng 77,37% kế hoạch năm.

b) Mục tiêu quý IV/2026

Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng thêm 510,27 tỷ đồng (nông nghiệp - thủy sản 275,65 tỷ đồng; công nghiệp 76,87 tỷ đồng; xây dựng 157,75 tỷ đồng); tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 790,94 tỷ đồng; vốn đầu tư toàn xã hội 137 tỷ đồng; thu ngân sách 10,304 tỷ đồng; sản lượng thủy sản 906 tấn; giao thông nông thôn 3,1 km. Lũy kế cả năm 2026: tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 2.255,41 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 2.850,89 tỷ đồng; vốn đầu tư toàn xã hội 1.415 tỷ đồng; thu ngân sách 41,448 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người 93 triệu đồng/người/năm; giảm tỷ lệ nghèo đa chiều còn 3,6%.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp; bám sát chỉ tiêu phân kỳ theo quý, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất kịch bản tăng trưởng năm 2026, cụ thể:

1. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm; thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo từng tháng, từng quý; kịp thời tham mưu giải pháp điều hành, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Tập trung một số nhiệm vụ:

a) Lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản

- Tập trung chỉ đạo sản xuất lúa vụ Hè Thu, Thu Đông và Đông Xuân; phấn đấu tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 78.783 tấn, trong đó lúa chất lượng cao chiếm 98%. (Quý III: thu hoạch dứt điểm lúa Hè Thu, xuống giống và chăm sóc lúa trên nền đất tôm; Quý IV: tiếp tục xuống giống diện tích lúa – tôm còn lại; triển khai xuống giống vụ Đông Xuân; thu hoạch lúa trên nền đất tôm.)

- Duy trì và phát triển mô hình lúa - tôm; ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản 7.852 ha (tôm - lúa 4.759 ha); phấn đấu tổng sản lượng thủy sản cả năm 5.418 tấn (khai thác 1.460 tấn, nuôi trồng 3.958 tấn, trong đó tôm nuôi 1.998,78 tấn). (Quý III: sản lượng thủy sản 981 tấn; Quý IV: 906 tấn.)

- Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, bảo đảm 3 nguyên tắc: an toàn sinh học - cân bằng cung cầu - an sinh xã hội; duy trì tổng đàn 48.579 con (gia súc 1.904 con, gia cầm 46.675 con); kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm.

- Thực hiện nghiêm các chỉ đạo về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); siết chặt đăng ký, đăng kiểm tàu cá, quản lý và xử lý nghiêm vi phạm về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã, tổ hợp tác hiện có; (Quý IV: thành lập mới 01 tổ hợp tác); phát triển, nâng chất sản phẩm OCOP gắn với xây dựng thương hiệu đặc sản địa phương.

b) Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng

- Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp cả năm đạt 230,1 tỷ đồng, xây dựng đạt 679,96 tỷ đồng. (Quý III: công nghiệp 35 tỷ đồng, xây dựng 163,69 tỷ đồng; Quý IV: công nghiệp 76,87 tỷ đồng, xây dựng 157,75 tỷ đồng.)

- Chủ động phối hợp các ngành chức năng của tỉnh khuyến khích, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào khu công nghiệp Xẻo Rô; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất; tạo điều kiện phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn.

- Huy động mọi nguồn lực nâng cấp, sửa chữa, xây mới các tuyến đường đạt chuẩn; nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới giao thông nông thôn cả năm 15 km (Quý III: 3,6 km; Quý IV: 3,1 km), gắn với các tiêu chí nông thôn mới.

c) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

- Phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống cả năm đạt 2.850,89 tỷ đồng (bán lẻ 2.476,07 tỷ đồng; lưu trú, ăn uống 374,82 tỷ đồng). (Quý III: 527,29 tỷ đồng; Quý IV: 790,94 tỷ đồng.)

- Đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng nội địa; bảo đảm cung ứng đầy đủ hàng hóa thiết yếu, nhất là dịp cuối năm và Tết Nguyên đán; theo dõi sát diễn biến giá cả, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm hành vi đầu cơ, găm hàng, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; thúc đẩy thương mại điện tử, khai thác tiềm năng du lịch cộng đồng.

d) Thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư công

- Tăng cường quản lý nguồn thu, chống thất thu, nợ đọng thuế, gian lận kê khai; khai thác hiệu quả các nguồn thu còn dư địa; phân đầu tổng thu ngân sách trên địa bàn cả năm đạt 41,448 tỷ đồng. (Quý III: 9,511 tỷ đồng; Quý IV: 10,304 tỷ đồng.)

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phân đầu đạt 100% kế hoạch; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phân đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả năm đạt 1.415 tỷ đồng. (Quý III: 566 tỷ đồng; Quý IV: 137 tỷ đồng.) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách và mua sắm tài sản công.

đ) Tài nguyên, môi trường, quy hoạch và giải phóng mặt bằng

- Phân đầu tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 86%; tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh 100%, nước sạch ở đô thị 70%, nước hợp quy chuẩn 85%; triển khai hiệu quả phân loại rác thải tại nguồn và phương án phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Phối hợp Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chung xã theo kế hoạch của tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tạo cơ sở pháp lý thu hút đầu tư, quản lý phát triển đô thị, nông thôn.

- Tập trung thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn, phân đầu khối lượng giải phóng mặt bằng đạt 100%; niêm yết công khai phương án bồi thường, đối thoại trực tiếp, tháo gỡ vướng mắc về nguồn gốc đất; phân bổ, giải ngân vốn bồi thường ngay khi phương án được phê duyệt.

2. Phòng Kinh tế

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng; đôn đốc các đơn vị triển khai nhiệm vụ; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, điều hành, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Tham mưu tổ chức họp giao ban đánh giá tiến độ thực hiện theo từng tháng, từng quý; tổng hợp, tham mưu báo cáo kết quả gửi Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng thời gian quy định.

3. Trung tâm phục vụ hành chính công

- Rà soát, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ; phân đấu tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng và trước hạn đạt 100%; cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, sử dụng hiệu quả hệ thống một cửa điện tử; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phối hợp giải quyết đơn thư, phân đấu tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đạt từ 95% trở lên.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững; phân đấu giảm tỷ lệ nghèo đa chiều còn 3,6%; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm.

- Đẩy mạnh phát triển các hoạt động, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch cộng đồng gắn với quảng bá sản phẩm đặc trưng địa phương, góp phần tăng khu vực thương mại - dịch vụ và nâng cao đời sống Nhân dân.

5. Ban Chỉ huy Quân sự xã và Công an xã

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Nâng cao trách nhiệm trong tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư ngay từ cơ sở, không để phát sinh điểm nóng, nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng.

6. Ban lãnh đạo các ấp

- Bám sát chỉ tiêu được giao, tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh; triển khai thực hiện tốt các quy định về chống khai thác IUU; phối hợp thực hiện công tác thu ngân sách, giảm nghèo và giải phóng mặt bằng; phối hợp quản lý trật tự xây dựng và môi trường, hành lang an toàn giao thông trên địa bàn phụ trách.

- Thường xuyên nắm tình hình địa bàn, kịp thời phản ánh, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia lao động, sản xuất, phát triển kinh tế; đẩy mạnh Cuộc vận động “Người

Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai

Thủ trưởng các đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong tổ chức thực hiện; xác định cụ thể nhiệm vụ, tiến độ từng quý và phân công rõ trách nhiệm đến từng cán bộ, công chức; tăng cường phối hợp, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng theo kịch bản đã đề ra.

2. Chế độ báo cáo

- Đối với các tháng 7, 8, 10, 11: các đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân xã chậm nhất ngày 13 của tháng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo theo yêu cầu.

- Đối với báo cáo quý III và 9 tháng: các đơn vị gửi báo cáo về Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân xã chậm nhất ngày 13/9/2026; báo cáo quý IV và cả năm gửi chậm nhất ngày 14/11/2026.

Giao Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp Phòng Kinh tế theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ cho các đơn vị phù hợp với tình hình thực tế.

Kế hoạch này điều chỉnh, bổ sung kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026 trên cơ sở Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 28/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã An Biên; các nội dung khác không điều chỉnh tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch số 26/KH-UBND. Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính An Giang (b/c);
- TT. Đảng ủy (b/c);
- TT. HĐND - UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành cấp xã (thực hiện);
- LĐ và CVVP;
- Ban lãnh đạo các ấp;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Công Rô

PHỤ LỤC
Chỉ tiêu điều chỉnh kịch bản phát triển kinh tế 6 tháng cuối năm 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã An Biên)

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Ước TH 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ (%)	Mục tiêu Quý III	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu Quý IV	Mục tiêu cả năm	Đơn vị phụ trách
1	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (giá hiện hành)	Tỷ đồng	2.255,41	1.197,35	53,09	547,79	1.745,14	510,27	2.255,41	Phòng Kinh tế
	+ <i>Nông nghiệp, thủy sản</i>	Tỷ đồng	1.345,35	720,60	53,56	349,10	1.069,70	275,65	1.345,35	
	+ <i>Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	230,10	118,23	51,38	35,00	153,23	76,87	230,10	
	+ <i>Xây dựng</i>	Tỷ đồng	679,96	358,52	52,73	163,69	522,21	157,75	679,96	
2	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	2.850,89	1.532,66	53,76	527,29	2.059,95	790,94	2.850,89	Phòng Kinh tế
	+ <i>Tổng mức bán lẻ hàng hóa</i>	Tỷ đồng	2.476,07	1.337,90	54,03	455,27	1.793,17	682,90	2.476,07	
	+ <i>Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống</i>	Tỷ đồng	374,82	194,76	51,96	72,02	266,78	108,03	374,82	
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	1.415	712	50,32	566	1.278	137	1.415	Phòng Kinh tế
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (so với chỉ tiêu QĐ 252/QĐ-UBND)	Tỷ đồng	41,448	21,633	52,19	9,511	31,144	10,304	41,448	Phòng Kinh tế
5	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	78.783	55.195	70,06	-	55.195	23.588	78.783	Phòng Kinh tế
	<i>Trong đó: Lúa chất lượng cao</i>	%	98	98	100,00	-	98	98	98	
6	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	7.852	7.852	100,00	7.852	7.852	7.852	7.852	Phòng Kinh tế
	<i>Trong đó: Tôm - lúa</i>	Ha	4.759	4.759	100,00	4.759	4.759	4.759	4.759	
7	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	5.418	3.531	65,18	981	4.512	906	5.418	Phòng Kinh tế
	- <i>Sản lượng khai thác</i>	Tấn	1.460	1.013	69,39	232	1.246	214	1.460	
	- <i>Sản lượng nuôi trồng</i>	Tấn	3.958	2.518	63,62	749	3.267	691	3.958	

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Ước TH 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ (%)	Mục tiêu Quý III	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu Quý IV	Mục tiêu cả năm	Đơn vị phụ trách
	<i>Trong đó: Sản lượng tôm nuôi</i>	Tấn	1.999	1.624	81,26	375	1.999	-	1.999	
8	Chăn nuôi (thời điểm ngày 01/01 hằng năm)	Con	48.579	24.295	50,01	13.356	37.651	10.928	48.579	Phòng Kinh tế
	- Tổng đàn gia súc	Con	1.904	1.841	96,69	35	1.876	28	1.904	
	- Tổng đàn gia cầm	Con	46.675	22.454	48,11	13.322	35.776	10.899	46.675	
9	Thu nhập bình quân đầu người (so với chỉ tiêu QĐ 252/QĐ-UBND)	Tr.đồng/ng/năm	93	-	-	-	-	93	93	Phòng Kinh tế
10	Xây dựng mới Tổ hợp tác	Tổ HT	2	1	50,00	-	1	1	2	Phòng Kinh tế
11	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới giao thông nông thôn	Km	15,0	8,3	55,33	3,6	11,9	3,1	15,0	Phòng Kinh tế
12	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	%	3,6	-	-	-	-	3,6	3,6	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Tỷ lệ dân số sử dụng nước									Phòng Kinh tế
	- Sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100,00	100	100	100	100	
	- Sử dụng nước sạch ở đô thị	%	70,00	43,46	62,09	14,60	58,06	11,94	70,00	
	- Sử dụng nước hợp quy chuẩn	%	85	-	-	-	-	85	85	
13	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	86	85	98,84	86	86	86	86	Phòng Kinh tế
14	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99,55	99,55	100,00	99,55	99,55	99,55	99,55	Phòng Kinh tế

Ghi chú: Phần chữ màu đỏ là nội dung điều chỉnh, bổ sung 6 tháng cuối năm 2026 (kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và mục tiêu phân kỳ theo quý). Đối với các chỉ tiêu giá trị (tỷ đồng), số liệu Quý III, Quý IV là mức tăng thêm trong quý; số liệu 9 tháng, cả năm là số lũy kế. Đối với các chỉ tiêu tỷ lệ, mức đạt là số tại thời điểm.